

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, cụ thể:

I. QUAN ĐIỂM...

1. Quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính là một trong những đột phá phát triển đất nước; gắn cải cách hành chính đồng bộ với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3. Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang theo từng giai đoạn.

4. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với lộ trình, bước đi phù hợp, tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động, nhưng không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

5. Cải cách hành chính phải kế thừa, phát huy thành tựu đã đạt được trong cải cách hành chính nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong cải cách để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn

điện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021-2030.

III. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 tập trung vào 06 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2025:

+ Cơ bản hoàn thiện thể chế, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng chính quyền điện tử và tận dụng tối đa những lợi thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại.

- Đến năm 2030: Hoàn thiện toàn diện các nội dung thể chế trong giai đoạn 2021-2025.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc thẩm quyền của tỉnh, chú trọng ban hành văn bản QPPL nhằm tăng cường công tác quản lý và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội của Nhân dân góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: các cấp, các ngành chủ động, kịp thời tham mưu xây dựng, ban hành văn bản QPPL về chế độ, chính sách thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trên địa bàn tỉnh theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các văn bản QPPL phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, thể thức và kỹ thuật trình bày, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật:

+ Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương.

+ Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

+ Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

+ Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu

Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2025:

+ Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020.

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Đến năm 2030:

+ 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tập trung giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi văn bản trên môi trường mạng; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí. Nâng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại các cấp chính quyền.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

+ Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

+ Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

- Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhịu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

- Đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước. Tăng cường rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy, giảm đầu mối trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, tạo sự thống nhất, thông suốt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Đến năm 2025:

+ Giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh so với năm 2021 (*đơn vị trực thuộc các sở, cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh; đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện*).

+ Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Tiếp tục sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

+ Hoàn thành việc chuyển đổi 02 đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (*gồm: Bến xe Khách Bắc Giang, Trung tâm Kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới trực thuộc Sở Giao thông vận tải*).

+ 100% cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc bố trí, sắp xếp kiện toàn số lượng cấp phó của cơ quan, đơn vị bảo đảm theo đúng quy định của Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

+ Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

+ Tiếp tục sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

+ Tiếp tục chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục thông tin, tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh theo quy định mới của Trung ương; đồng thời ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy tổ chức của các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đảm bảo theo quy định; Tiếp tục rà soát, đôn đốc các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố thực hiện sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Đề án sáp nhập hoặc theo lộ trình và Kế hoạch sáp nhập của các huyện, thành phố (đối với các Trường Mầm non, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở).

- Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, bố trí sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người lao động trong các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện bảo đảm đúng các tiêu chí thành lập, tiêu chí số cấp phó, số công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Triển khai xây dựng, ứng dụng phần mềm Quản lý tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để nâng cao hiệu quả công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Đến năm 2025:

- Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước.
- Chuyên đổi việc quản lý hồ sơ giấy sang quản lý hồ sơ điện tử trên phần mềm quản lý hồ sơ điện tử.
- Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí đúng quy định vị trí việc làm.
- 100% cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp phòng được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng vị trí việc làm.
- 60% cán bộ, công chức, viên chức được thăng hạng, nâng ngạch theo đúng vị trí việc làm.

Đến năm 2030:

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.
- 25 – 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương; 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được thăng hạng, nâng ngạch theo đúng vị trí việc làm.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc. Riêng Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã có trình độ từ Trung cấp trở lên.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng. quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; đảm bảo đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, thăng hạng.
- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.
- Đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

Thực hiện các nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm, bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả.

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

- Nghiên cứu ban hành và triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Sở, cấp phòng và tương đương; tiếp tục triển khai có hiệu quả việc tuyển chọn chức danh lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo. Hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng tích cực của ngân sách địa phương. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, nếu có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Đến năm 2030, giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025.

b) Nhiệm vụ

- Ban hành quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025, giai đoạn 2026-2030; Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2026-2030 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang theo hướng bổ sung, hoàn thiện quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Tiếp tục thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính.

- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; thực hiện tốt quy định về quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Đẩy mạnh giao quyền tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tổ chức, biên chế, viên chức, người lao động ở các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

+ Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần thuộc UBND tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2023 đảm bảo tiến độ, thời gian theo quy định.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ)

- Đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới, sắp xếp và chuyển đổi 02 công ty lâm nghiệp theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về thực hiện Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị khóa XII; việc thực hiện công tác thoái vốn nhà nước theo Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước để bảo toàn và phát triển vốn.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Mục tiêu

Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Bắc Giang tổng thể, toàn diện, có mô hình hoạt động được thiết kế, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số để đưa hoạt động của các cấp ủy, chính quyền lên môi trường số, đảm bảo an toàn thông tin; phát triển kinh tế số, xã hội số để thay đổi mô hình quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

- Đến năm 2025:

+ Đến hết năm 2021, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, đặc biệt trên các thiết bị di động.

+ Trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ

hồ sơ thuộc bí mật nhà nước).

+ Trên 60% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia.

+ 100% cơ sở dữ liệu (CSDL) tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình, 100% đơn vị hành chính cấp xã.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ 100% người dân có nhu cầu, đủ điều kiện có tài khoản thanh toán điện tử.

+ Xây dựng 02 đô thị theo hướng đô thị thông minh tại thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên.

+ Chỉ số về kết quả đánh giá chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước.

- Đến năm 2030:

+ 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và trên 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước).

+ Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Xây dựng thành công nền tảng đô thị thông minh tại thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên. Thành phố Bắc Giang đứng đầu các thành phố thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc trong việc xây dựng thành phố thông minh.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số:

+ Duy trì, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Cập nhật, xây dựng các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh đảm bảo đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu.

+ Cập nhật quy chế, chính sách bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước (CQNN) trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng các chính sách về CSDL (chiến lược chuẩn hóa, tích hợp dữ liệu; danh mục dữ liệu; danh mục CSDL; quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu; kết nối, chia sẻ dữ liệu; kế hoạch mở dữ liệu).

+ Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống của tỉnh nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

- Phát triển hạ tầng số:

+ Xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang theo hướng hiện đại, đạt chuẩn tối thiểu Tier 3 bằng công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, có năng lực tính toán song song, xử lý dữ liệu lớn... để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số, đô thị thông minh và đảm bảo an toàn thông tin. Hướng dẫn thực hiện giải pháp thuê dịch vụ lưu trữ tập trung CSDL trên nền tảng điện toán đám mây.

+ Phát triển hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo kết nối thông suốt 3 cấp hành chính từ tỉnh đến xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

+ Phát triển, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị họp trực tuyến của các CQNN từ tỉnh đến xã để nâng cao chất lượng công tác họp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến; triển khai mô hình phòng họp thông minh hướng đến mục tiêu họp không tập trung và không giấy tờ trên phạm vi toàn tỉnh.

+ Đầu tư trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi toàn bộ địa chỉ giao thức Internet thế hệ cũ (Ipv4) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6) đối với toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh.

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G, ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, CQNN, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch.

- Phát triển nền tảng số:

+ Nâng cấp, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Bắc Giang kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL nội bộ của tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NDXP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

+ Xây dựng nền tảng kết nối dịch vụ số hóa tỉnh Bắc Giang bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) với các phương pháp học máy đảm bảo kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng quản lý, lưu trữ tài liệu số hóa, khai phá dữ liệu, hỗ trợ phân tích ra quyết định các bài toán phục vụ phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số tại các cấp, các ngành và Kho dữ liệu số của tỉnh.

+ Xây dựng nền tảng định danh điện tử (eID) tỉnh Bắc Giang để bóc tách sinh trắc học nhận dạng người dân dưới dạng đặc tính số để lưu trữ và truy xuất thông tin công dân số trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng nền tảng điện toán đám mây tỉnh Bắc Giang trên cơ sở kết nối đám mây của các CQNN nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho chính quyền số trên quy mô toàn tỉnh được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.

+ Xây dựng nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa dựa trên nền tảng điện toán đám mây tỉnh Bắc Giang đảm bảo kế thừa các hệ thống hạ tầng số đã được xây dựng trên địa bàn tỉnh.

+ Thuê dịch vụ nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI) để sử dụng cho phát triển và triển khai các ứng dụng số, dịch vụ số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang.

+ Thuê dịch vụ nền tảng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) gồm các thành phần quan trọng như phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, truyền nhận, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.

- Phát triển các ứng dụng, CSDL, dịch vụ số của tỉnh:

+ Xây dựng Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang để quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của tỉnh hình thành trong quá trình chuyển đổi số.

+ Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của CQNN các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

+ Tăng cường triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến theo mô hình xác định công dân, doanh nghiệp từ khi đến giao dịch, hoàn thiện hồ sơ điện tử thay cho giấy tờ thông thường, xác thực định danh người đăng ký, mô hình đăng ký đa điểm dịch vụ công, tích hợp các dịch vụ công ích và sự nghiệp.

+ Tiếp cận và ứng dụng hiệu quả các công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số trong quản lý điều hành; tiếp tục duy trì, hoàn thiện hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành công việc; Cổng thông tin điện tử của các cấp ủy đảng, chính quyền; Hệ thống chứng thực điện tử và quản lý chữ ký số tỉnh; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh; Hệ thống phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh; Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp...

+ Tổ chức chuẩn hóa CSDL dùng chung của tỉnh kết hợp với cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia hình thành danh mục CSDL dùng chung thống nhất trong quá trình vận hành, khai thác các hệ thống thông tin.

+ Phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị, giao thông và các dữ liệu khác trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS).

+ Xây dựng và triển khai Ứng dụng Công chức số tỉnh Bắc Giang.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp:

+ Xây dựng, phát triển Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh Bắc Giang để quản trị dữ liệu số, công bố hiện trạng thông tin về dữ liệu số của các CQNN trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin bảo đảm kết nối với Cổng dữ liệu số quốc gia.

+ Hợp nhất Cổng dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang; phát triển với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác. Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết.

+ Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai các giải pháp kết nối với các doanh nghiệp viễn thông để thực hiện, triển khai thanh toán với các giao dịch có giá trị nhỏ thông qua tài khoản viễn thông (Mobile Money).

+ Cung cấp các phân tích dữ liệu lớn về tình hình và xu thế thị trường trong và ngoài nước... trên Cổng dữ liệu mở (Open Data) của tỉnh, giúp các doanh nghiệp định hướng, xây dựng chiến lược và kế hoạch chuyển đổi số để phát triển kinh tế số phù hợp.

+ Đẩy mạnh hợp tác với các Tập đoàn lớn như: Viettel, VNPT, FPT... để định hướng cho các doanh nghiệp theo một chiến lược phát triển nền kinh tế số thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

Xây dựng 02 đô thị theo hướng đô thị thông minh tại thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên, gồm các nội dung cụ thể như sau:

+ Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên để đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh.

+ Xây dựng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên, triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ

tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, chiếu sáng, điện, nước... đảm bảo việc kết nối, truyền dữ liệu và hỗ trợ các bài toán phân tích phục vụ quản lý cũng như triển khai các dịch vụ đô thị thông minh. Đến năm 2025, xây dựng hạ tầng IoT bao gồm cảm biến IoT theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu về quản lý và phát triển đô thị như: quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, nguồn nước...

+ Xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, môi trường, quản lý đô thị, cây xanh, chiếu sáng, điện, nước...

+ Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển quy hoạch đô thị thông minh thành phố Bắc Giang xanh, bền vững trên cơ sở xây dựng bản đồ số trên nền GIS 3D nhằm phát triển ứng dụng quản lý quy hoạch kiến trúc, công trình xây dựng và đất đai.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách hành chính từ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đến các Sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, thống nhất việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý của mình; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch. Gắn việc đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của Sở Nội vụ - cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính trong kế hoạch. Có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính để bảo đảm Kế hoạch được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Cải cách hành chính không phải là công việc riêng của hệ thống hành chính, mà là yêu cầu chung của toàn xã hội. Vì vậy, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Cần phải tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá

tin thần, thái độ phục của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính.

Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao năng lực nghiên cứu và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ngành, địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của cơ quan hành chính các cấp; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho UBND tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm

nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương để triển khai Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ điều kiện cụ thể, các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 5 năm hoặc cả giai đoạn 2021-2030 để tổ chức thực hiện, đảm bảo đúng lộ trình cải cách của tỉnh và của Chính phủ.

- Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ cải cách hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đảm bảo chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và dịch vụ bưu chính công ích nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân và doanh nghiệp, từng bước hiện đại hóa nền hành chính công.

2. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì triển khai các nội dung: tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ.

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hằng năm và báo cáo cải cách hành chính định kỳ hoặc đột xuất.

- Hằng năm triển khai thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện. Nghiên cứu xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng đối với các cơ quan của Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ theo quy định.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Đến năm 2025 tiến hành sơ kết, đến năm 2030 tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Chủ trì, tham mưu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa các cấp.

- Theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND, Chủ tịch UBND giao.

4. Sở Tư pháp

- Chủ trì triển khai nội dung cải cách thể chế.

- Chủ trì, triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

- Số hóa, cập nhật Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, hoàn thành, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

- Chủ trì, triển khai nhiệm vụ đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, triển khai nội dung phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, vận hành thông suốt các Hệ thống phần mềm của tỉnh: Cổng dịch vụ công của tỉnh, Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan truyền thông, báo chí của tỉnh và các

sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao chỉ số PCI tỉnh Bắc Giang.

8. Sở Y tế

- Triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ y tế công đạt tối thiểu 85% vào năm 2025, đạt tối thiểu 90% vào năm 2030.

- Đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ giáo dục công đạt tối thiểu 85% vào năm 2025, đạt tối thiểu 90% vào năm 2030. Tỷ lệ nhà trường, các cơ sở giáo dục đáp ứng so với mong đợi của người dân đạt trên 95% vào năm 2025, đạt trên 97% vào năm 2030.

- Triển khai đúng lộ trình các chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 nhằm hoàn thành các mục tiêu cải cách hành chính của ngành, của tỉnh.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy mạnh tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

10. Sở Lao động - Thương binh và xã hội

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn, triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách liên quan trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh: tiếp tục đổi mới phương thức chi trả trợ cấp ưu đãi đối với người có công và thân nhân của họ đảm bảo an toàn, kịp thời, đầy đủ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ người có công và thân nhân tiến tới phân cấp khai thác, sử dụng thông tin hồ sơ người có công theo các cấp hành chính từ đó nâng cao chất lượng quản lý và giải quyết

chế độ chính sách ưu đãi người có công các cấp; duy trì việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch bưu chính công ích đối với TTHC liên thông 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)

- Tiếp tục nâng cao chất lượng trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm kịp thời hỗ trợ, giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động thất nghiệp, người lao động đang tìm việc làm; trong đó ưu tiên đổi mới phương thức hỗ trợ, đưa ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả kết nối, tìm việc, giới thiệu việc làm đối với lao động thất nghiệp.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở nhằm phát huy vai trò định hướng, tư vấn, là hạt nhân phát triển hoạt động khoa học và công nghệ từ cơ sở.

- Tham mưu ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp đồng bộ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, tập trung vào các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, nghiên cứu - ứng dụng khoa học và công nghệ, xây dựng thương hiệu.

- Thực hiện lộ trình giao tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng giảm đầu mối trung gian, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tăng cường khuyến khích, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; ổn định cơ sở vật chất cho các đơn vị sự nghiệp; đẩy mạnh thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

- Đổi mới công tác quản lý văn hóa, thể thao và du lịch, đẩy mạnh thực hiện phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp nhằm tăng tính chủ động đồng thời nâng cao vai trò trách nhiệm của các đơn vị trong hoạt động chuyên môn.

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch từ tỉnh đến các huyện, xã và cơ sở. Khuyến khích và cho phép cá nhân, tổ chức ngoài công lập được đầu tư xây điểm vui chơi giải trí, rạp chiếu phim; sân vận động, nhà văn hóa từ tỉnh đến cấp huyện và cơ sở. Huy động nhân dân tham gia đóng góp xây dựng nhà văn hóa, công trình thể dục thể thao cộng đồng, tủ sách báo,... Có chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, nhằm tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy các hoạt động xã hội hóa của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Trung ương, của tỉnh, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, quan tâm phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch (nhất là văn hóa, thể thao truyền thống) ở các địa phương trong tỉnh.

13. Công an tỉnh

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong toàn lực lượng Công an tỉnh. Chú trọng cải cách thủ tục hành chính. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính chuyên nghiệp, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ, có bản lĩnh chiến đấu cao, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng phục vụ Nhân dân. Cải cách bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tăng cường phân công, phân cấp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho lực lượng Công an ở cơ sở.

- Triển khai các kết nối vùng mạng ngoài của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các hệ thống cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh để thực hiện dịch vụ công theo sự chỉ đạo của Bộ Công an. Triển khai, thiết lập Hệ thống định danh và xác thực điện tử trên cơ sở khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Triển khai các ứng dụng của thẻ CCCD có gắn chip điện tử nhằm cải cách hành chính, tạo điều kiện cho nhân dân trong thực hiện giao dịch dân sự.

- Vận hành có hiệu quả hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thường xuyên thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”, bảo đảm dữ liệu dân cư chính xác trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, các hệ thống và phần mềm phục vụ công tác cải cách hành chính như: quản lý xuất, nhập cảnh; quản lý con dấu; ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT; vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ... theo chỉ đạo của Bộ Công an.

14. Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Điện lực tỉnh

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính tại cơ quan. Chú trọng cải cách thủ tục hành chính, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan.

- Nâng cao trách nhiệm phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan. Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện và cấp xã đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong giải quyết thủ tục hành chính, nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

15. Bưu điện tỉnh

- Phối hợp với các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh trong thực hiện các dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh. Triển khai, nhân rộng việc bố trí nhân viên Bưu điện thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã thay cho công chức, viên chức.

- Thường xuyên tăng cường tập huấn cho nhân viên Bưu điện các nội dung liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính, các kỹ năng tiếp xúc với người dân, tổ chức, doanh nghiệp, giải quyết tình huống.

- Bố trí đội ngũ là điều tra viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm để triển khai điều tra, khảo sát theo đề nghị của các cơ quan hành chính, đặc biệt là điều tra đánh giá Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

- Nâng cấp, trang bị cơ sở vật chất thiết yếu để tất cả các bưu cục, đặc biệt là Bưu điện văn hóa xã đều có thể kết nối thông tin để triển khai việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính của người dân, chuyển lên cơ quan hành chính của tỉnh, huyện, xã.

16. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang

Phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền về công tác cải cách hành chính của tỉnh, nhằm giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn các nội dung công tác cải cách hành chính; tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính của tỉnh Bắc Giang.

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 của UBND tỉnh, đề nghị các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Bưu điện tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Bắc Giang;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, đơn vị;
- + Công TTĐT tỉnh;
- + Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

